

NGƯỜI SÁN CHỈ - XÃ TÂN THỊNH VỚI NỀN KINH TẾ HÀNG HÓA

DẶNG XUÂN THAO

Xã Tân Thịnh (huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Thái) có chiều dài hơn 10km, chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 5km; không có quốc lộ, tỉnh lộ hoặc bất cứ con đường cấp huyện nào chạy qua; nằm ở tận cùng phía tây của Bắc Thái có địa giới tự nhiên với tỉnh Hà Tuyên, nơi có những dãy núi cao rừng rậm bạt ngàn.

Xã có 3 dân tộc đã định cư lâu dài là Sán Chỉ, Tày và Kinh (đồng bào Thái Bình lên khai hoang năm 1960) trong đó, Sán Chỉ chiếm 64,82% dân số(1); tại thời điểm khảo sát, tháng 6-1993, Sán Chỉ chiếm 55,9% tổng số dân.

Về đất đai, hiện có 5900ha rừng, 1300ha vườn rừng, 200ha ruộng bậc thang.

Như vậy, Tân Thịnh có nhiều dân tộc, nhưng ở nghiên cứu nhỏ này chúng tôi chỉ đề cập người Sán Chỉ là dân tộc có dân số đông nhất và định cư lâu đời tại xã.

1. Quá trình phát triển dân số

1. Vài nét chung về dân tộc Sán Chỉ (còn có tên gọi là Sán Chay hoặc Sán Chỉ) ở Việt Nam.

Nghiên cứu các số liệu thống kê người dân tộc Sán Chỉ ở Bảng 1, được trình bày theo kết quả các lần Tổng điều tra dân số, ta có nhận xét sau đây:

a) Từ 1979 về trước dân tộc Sán Chỉ chưa

cư trú ở các tỉnh phía Nam, là một dân tộc ít người có nguồn gốc và định cư ở một số tỉnh miền núi phía Bắc.

b) Số lượng ít ỏi (1%) sinh sống ở một số tỉnh phía Nam, tập trung đông nhất ở 2 tỉnh Đắc Lắc và Đồng Nai, chỉ mới xuất hiện từ những năm 80 trở đi, mà nguyên nhân ban đầu có thể là do những quân nhân người Sán Chỉ đã chiến đấu và công tác ở trong đó thấy điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi nên đã đưa vợ con, gia đình và sau đó vận động thêm bà con làng bản cùng vào sinh cơ lập nghiệp, xây dựng quê hương mới;

c) Từ 1960 đến 1989, dân tộc Sán Chỉ đã tăng gần gấp 8 lần, hiện xếp thứ 13 về mặt dân số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam(2). Mặt khác, như đã phân tích ở điểm a, số liệu Tổng điều tra dân số miền Bắc năm 1960 về dân tộc Sán Chỉ được xem là con số chung của dân tộc này, làm cơ sở để tính tỉ lệ gia tăng dân số hàng năm mấy thập kỷ qua (Bảng 2).

2. Về dân tộc Sán Chỉ xã Tân Thịnh.

a) Nghiên cứu các số liệu ở Bảng 2, được thành lập theo kết quả Tổng điều tra dân số các năm 1960, 1979 và 1989 để xem xét tỉ lệ và quá trình phát triển dân số của dân tộc Sán Chỉ xã Tân Thịnh so với cùng dân tộc đó trong tỉnh Bắc Thái và trong cả nước và so với các dân tộc khác trong xã, ta thấy tỉ lệ gia tăng hàng năm (1960-1992) của dân tộc Sán

BẢNG I. SỐ NGƯỜI DÂN TỘC SÁN CHỈ CHIA THEO TỈNH.

TT	Tỉnh	1960	1979	1989	Ghi chú
1	Hà Nội			132	
2	T/p HCM			10	
3	Hải Phòng			11	
4	Cao Bằng	1967		5169	
5	Hà Tuyên	264(+)	30893	42937	(+) con số của Tuyên
6	Lạng Sơn	979	2614	3483	Quang (cũ)
7	Lai Châu			7	
8	Hoàng Liên Sơn		4127	6043	
9	Bắc Thái	5780(++)	17118	24096	(++) cộng 2 tỉnh: Bắc
10	Sơn La			5	Cạn, Thái Nguyên
11	Vĩnh Phú		2351	2925	
12	Hà Bắc	2406	12940	18047	
13	Quảng Ninh	2971	6264	9003	
14	Hà Sơn Bình			25	
15	Hải Hưng			60	
16	Thái Bình			7	
17	Hà Nam Ninh			12	
18	Thanh Hóa			14	
19	Nghệ Tĩnh			5	
20	Thừa Thiên-Huế			3	
21	QN-ĐN			1	
22	Quảng Ngãi			1	
23	Khánh Hòa			3	
24	Thuận Hải			16	
25	Gia Lai-Kon Tum			9	
26	Đắc Lắc			620	
27	Lâm Đồng			23	
28	Sông Bé			12	
29	Đồng Nai			442	
30	Long An			2	
31	An Giang			2	
32	Kiên Giang				
	Cộng	14367	76307	113126	

Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số Miền Bắc 1960, toàn quốc 1979 và 1989,
Phần dân số chia theo dân tộc và các tỉnh, thành phố.

Chỉ ở đây là 3,30%, thấp hơn tỉ lệ chung của Bắc Thái và cả nước: 4,64% và 6,55% (1960-1989), đồng thời cũng thấp hơn 2 dân tộc còn lại trong xã: Tày 3,90% và Kinh 4,10% (riêng 2 năm 1991, 1992, tỉ lệ gia tăng dân số của người Sán Chỉ xã Tân Thịnh là 3,15% và 3,10%).

b) Kết quả khảo sát, tháng 6-1993, Tân Thịnh có 754 hộ gia đình, 3819 khẩu trong đó Sán Chỉ có 407 hộ và 2135 khẩu, được chia ra:

- 80 hộ có từ 1 đến 2 con (số này phần đông là những cặp vợ chồng trẻ, dưới 35 tuổi, trong đó có Chủ tịch và Phó Công an xã phụ trách hộ khẩu);
- 152 hộ có từ 2 đến 3 con;
- 175 hộ có từ 4 con trở lên (số này phần lớn ở độ tuổi 50 trở lên).

Trước tình hình chung về công tác dân số của nước ta hiện nay, khi chưa triển khai được việc "Thực hiện đồng bộ chiến lược dân số cả ba mặt: qui mô dân số, cơ cấu phân bố và sự phân bố dân số"(3), chỉ tiêu 1,7% đang còn là mục tiêu phấn đấu chung của cả nước, thì tỉ lệ phát triển dân số nói trên của đồng

bào Sán Chỉ - một dân tộc thiểu số ở một xã miền núi như Tân Thịnh, phải công nhận là một tiến bộ, bởi nó xấp xỉ như nhiều xã miền xuôi, trong đó có Ninh Hiệp (Gia Lâm, Hà Nội): 1990 là 3,2% - 1991 là 3.1% và 1992 là 2,95%. Theo lãnh đạo xã cho biết một cách đơn giản nguyên nhân là do ngoài số thanh niên đi bộ đội về còn do cơ chế mở, họ được tự do di dân đi đó giao dịch làm ăn, tiếp xúc với văn minh đô thị nên không chịu cảnh sống nghèo như thế hệ cha anh, quyết tâm thực hiện kế hoạch hóa gia đình để có điều kiện cải thiện cuộc sống cho bản thân, gia đình con cái.

II. Quá trình phát triển kinh tế

Giống như nhiều vùng dân tộc miền núi khác, Tân Thịnh cũng đã bao đời quần quanh với nền kinh tế "tự cấp tự túc", không sao thoát khỏi cái ngưỡng đói nghèo, lạc hậu.

Từ khi có "Khoán 10", đời sống của nhân dân ở đây nói chung, của đồng bào dân tộc Sán Chỉ nói riêng mới bắt đầu được cải thiện. Nhưng nhìn chung, tính đến cuối năm 1989, đời sống của đa số cũng chỉ đủ ăn ở mức đạm bạc "tương cà mắm muối", chỉ từ năm 1990

BẢNG 2: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ CỦA DÂN TỘC SÁN CHỈ XÃ TÂN THỊNH, TỈNH BẮC THÁI, CẢ NƯỚC.

TT	Địa chỉ	Dân tộc	Dân số				Tỉ lệ tăng b/q năm (%)
			1960	1979	1989	1992	
1	Tân Thịnh	- Sán Chỉ	752			2135	3,3
		- Tày	397			1324	3,9
		- Kinh	10			360	4,1
2	Bắc Thái	Sán Chỉ	5780 (+)	17118	24096		4,64
3	Cả nước	Sán Chỉ	14382	77104	114012		6,55

(+) Cộng 2 tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên, 1960.

Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số Miền Bắc (1960), toàn quốc (1979, 1989), phần Dân số chia theo từng dân tộc. (Năm 1960 có chia đến xã)

trở đi mới có những bước chuyển cơ bản.

Rõ ràng là vấn đề: "Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc"(4) theo tinh thần Đại hội VII, cùng với chủ trương: "Có chính sách phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, đảm bảo cho đồng bào các dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước"(5) đã có tác động mạnh mẽ đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở xã Tân Thịnh.

Với đặc điểm địa hình như đã nói từ đầu, Tân Thịnh hoàn toàn không có ưu thế "Nhất cận thị, nhị cận giang" để phát triển kinh tế hàng hóa. Khắc phục nhược điểm này, lãnh đạo xã (đều là người Sán Chỉ) đã huy động nhân dân các dân tộc địa phương giải quyết được 2 việc quan trọng.

Một là, cải tạo con đường mòn độc đạo vào xã mà xưa nay chỉ đi bộ hoặc xe đạp cũng vất vả, thành con đường rộng hơn và dù vẫn còn là đường đất gồ ghề, khó đi, nhất là vào mùa mưa khi suối lũ dâng cao, nhưng xe tải đã có thể ra vào từ đầu 1991.

Hai là, mở một chợ ở trung tâm xã, ngay sát con đường mới nâng cấp, trên một khoảnh đất mới san rộng chừng nửa ha, với nhiều lều quán bằng tranh tre nứa lá, khánh thành vào giữa năm 1992.

Từ khi có đường, có chợ, hàng hóa đã được đưa vào, lâm sản, kể cả gỗ và thực phẩm đã được đưa ra thuận lợi hơn, bộ mặt địa phương thay đổi hẳn. Chỉ trong vòng 2 năm đã có 98/407 hộ gia đình Sán Chỉ mua được máy bơm (Trung Quốc) đưa nước lên các thửa ruộng cao, cấy 2 vụ lúa; nhiều gia đình đã đầu tư trồng chè trồng mơ, nuôi bò nuôi dê để bán ra đô thị, bước đầu thực hiện việc đa dạng hóa sản phẩm.

Tính đến tháng 5-1993, trong đồng bào

Sán Chỉ đã có 19 xe máy Mu-kích, 2 xe Minxcơ, 2 xe cub, 12 máy thu hình (đen trắng), 70% số hộ có radio và 7 hộ có máy phát điện xách tay (Trung Quốc) để thắp sáng.

Theo phân loại của xã, đồng bào Sán Chỉ có 5% hộ giàu, 25% khá, 50% trung bình và 20% hộ nghèo ở mức chưa "ăn ngon mặc đẹp". Sơ bộ, tính bình quân thu nhập đầu người một năm được gần 2 triệu rưỡi, cao hơn xã Quảng Đại (Quảng Xương, Thanh Hóa thời điểm tháng 2-1993), xấp xỉ với xã Lạc Hồng - một xã trung bình thuộc huyện Kim Thi, Hải Hưng thời điểm tháng 3-1993.

Từ thực tế Tân Thịnh như đã trình bày, có thể nói rằng, nếu biết chủ động, quyết tâm khắc phục ngoại cảnh để tạo ra hoặc phát huy thế mạnh của địa phương kết hợp với việc duy trì tỉ lệ gia tăng dân số ở mức độ thích hợp, thì đồng bào dân tộc miền núi không những có thể "xóa đói giảm nghèo" mà còn có đủ khả năng để làm giàu.

Tuy nhiên, sự khởi sắc ban đầu của Tân Thịnh dù sao cũng mới là sự nỗ lực chủ quan của lãnh đạo và đồng bào các dân tộc trong xã. Nhân dân ở đây đang cần các cấp lãnh đạo Huyện, Tỉnh, Trung ương trang bị cho họ những kiến thức về kinh tế thị trường, hướng dẫn họ cách chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp để có thể tăng tỉ suất và khối lượng hàng hóa, giúp đồng bào các dân tộc thiểu số nhanh chóng hòa nhập vào công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước.

(1) "Dân số Miền Bắc Việt Nam",

Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 1962,

Biểu số 9, tr.245.

(2) "Kết quả điều tra toàn diện"

Tổng điều tra dân số 1989, Hà Nội, 1991,

Quyển 1, tr.66

(3) "Một số vấn đề chủ yếu về chính sách dân số",

Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 1992, tr.12.

(4), (5) Văn kiện Đại hội VII, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr.77.